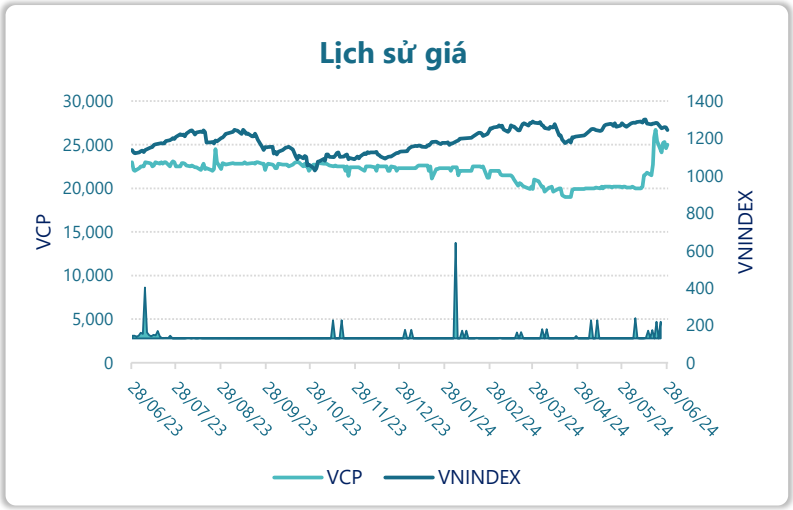
FireAnt

CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP (UPCOM: VCP)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	83,789,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	432,015
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,095
P/E	15.1
EPS	1,658

DT thuần

Q2/24

371

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0| 5.9%

YoY: ▲ 249| 204%

LN sau thuế

Q2/24

36.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.0| -41.7%

YoY: ▲ 34.1| 1468%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

23.3%

+/- YoY: ▼ 43.7%

DT thuần

6T 2024

721

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 406| 129%

LN sau thuế

6T 2024

98.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.5| 36.7%

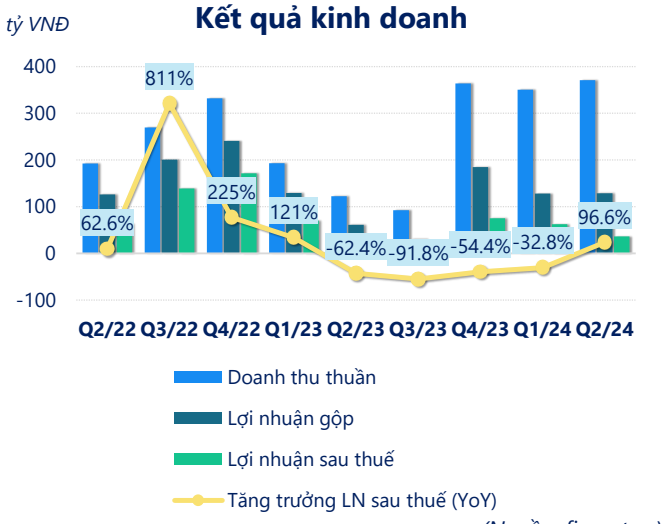
ROE

Q2/24

7.9%

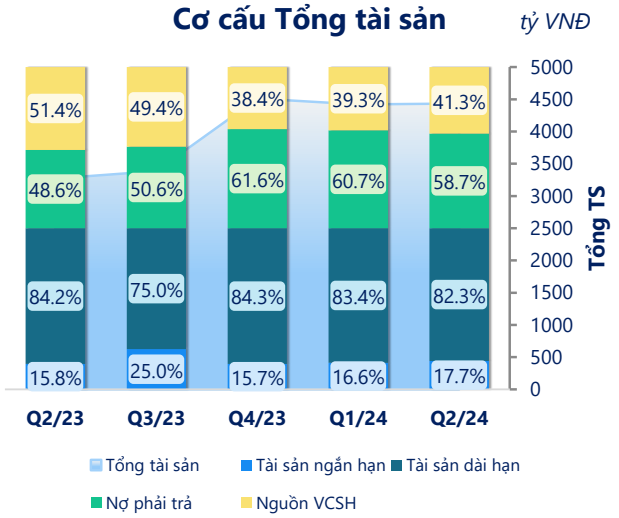
+/- YoY: ▼ 16.0%

Kết quả kinh doanh



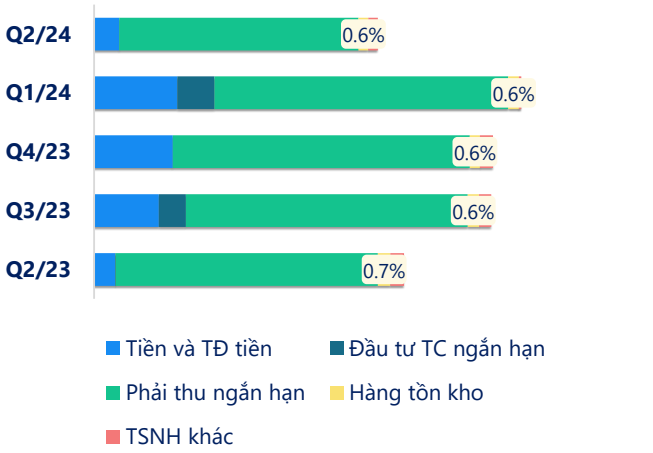
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



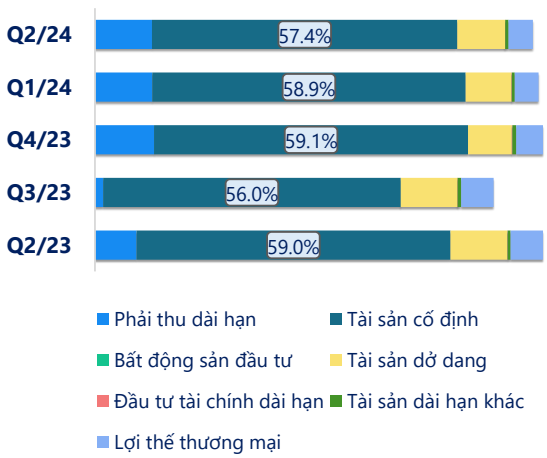
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



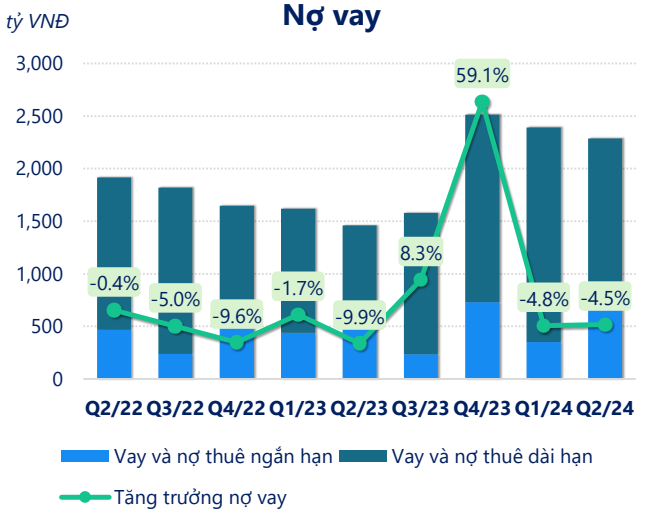
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



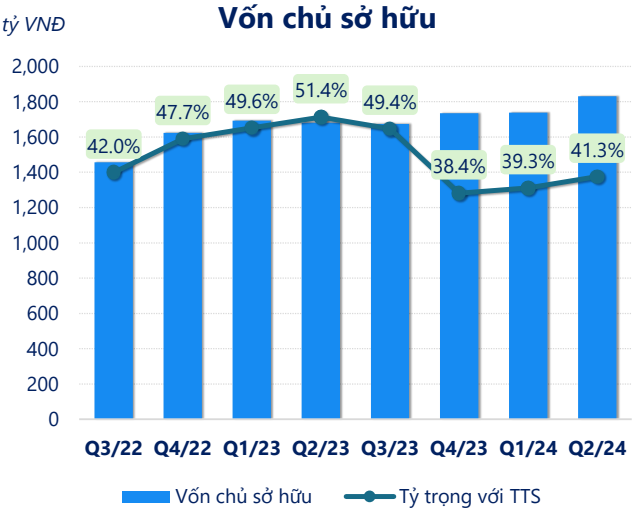
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



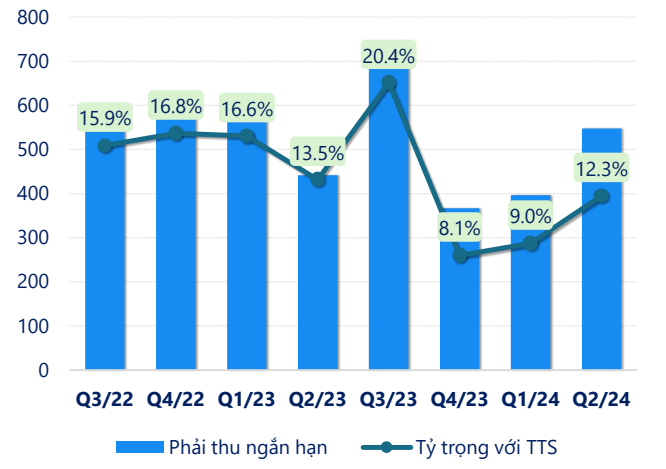
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



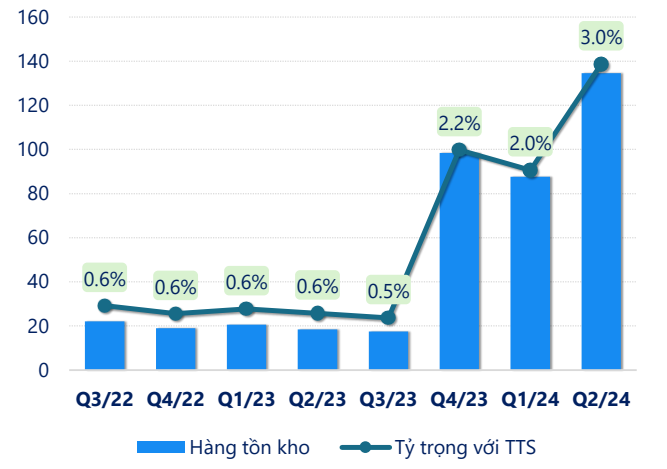
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



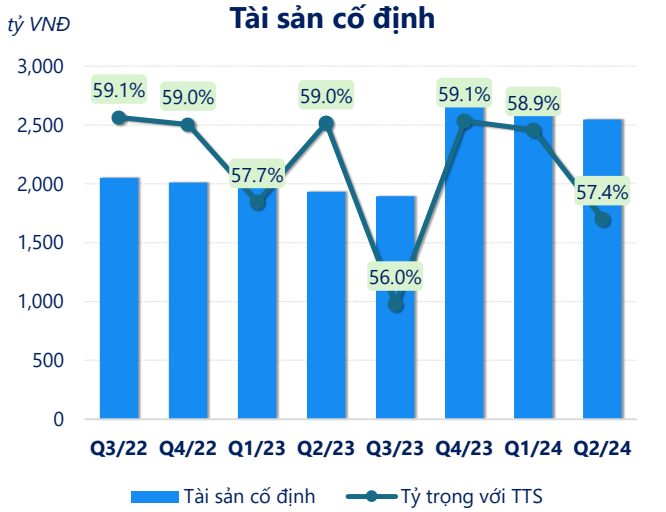
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



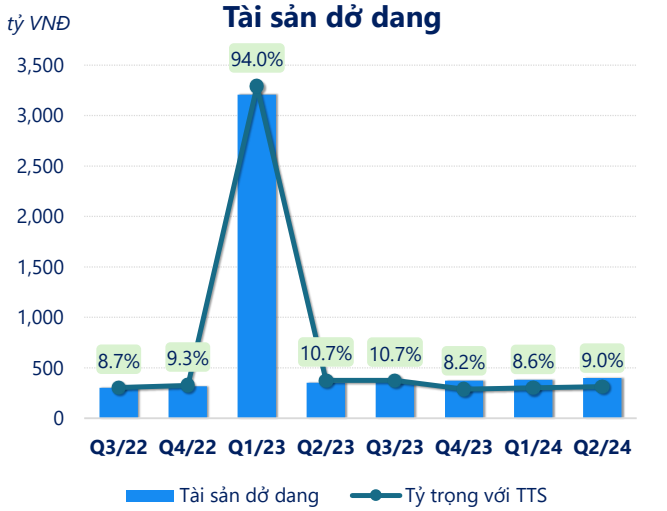
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



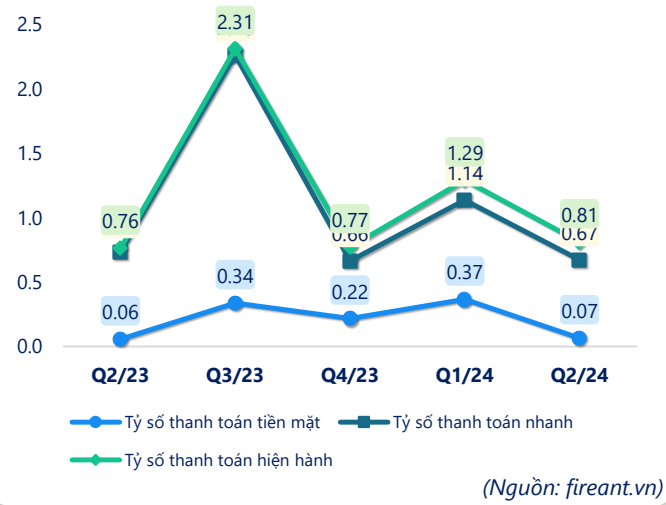
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



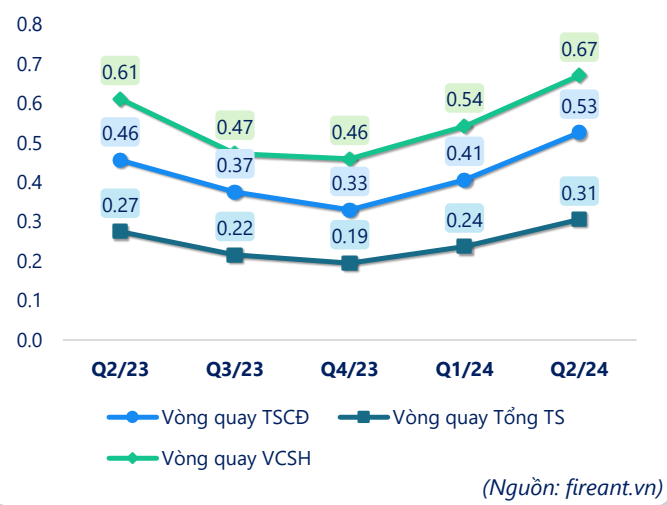
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**3,273**	**3,386**	**4,512**	**4,419**	**4,436**
Tài sản ngắn hạn	**516**	**847**	**710**	**732**	**784**
Tiền và tương đương tiền	38.5	124	201	207	63.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	6.00	16.0	10.0	10.0
Phải thu ngắn hạn	441	689	367	396	548
Hàng tồn kho	18.4	17.5	98.5	87.6	135
Tài sản ngắn hạn khác	17.5	10.6	28.6	30.4	28.3
Tài sản dài hạn	**2,757**	**2,539**	**3,802**	**3,687**	**3,652**
Phải thu dài hạn	255	52.2	501	477	477
Tài sản cố định	1,932	1,894	2,665	2,604	2,546
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	351	362	371	381	399
Đầu tư tài chính dài hạn	0.56	0.56	5.22	2.24	0.56
Tài sản dài hạn khác	18.6	21.8	30.6	23.7	28.1
Lợi thế thương mại	199	208	228	200	202
Nợ phải trả	**1,591**	**1,712**	**2,777**	**2,681**	**2,605**
Nợ ngắn hạn	**677**	**367**	**920**	**567**	**966**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	545	234	729	352	721
Phải trả người bán ngắn hạn	41.4	33.7	85.6	85.4	132
Nợ dài hạn	914	1,346	1,857	2,114	1,639
Vay và nợ thuê dài hạn	914	1,345	1,783	2,040	1,564
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,682**	**1,674**	**1,734**	**1,738**	**1,831**
Vốn chủ sở hữu	**1,682**	**1,674**	**1,734**	**1,738**	**1,831**
Vốn điều lệ	838	838	838	838	838
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)